

Bản án số: 14/2021/HS-PT

Ngày 13 - 01 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Kim Rét;

Ông Trần Nam Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 452/2020/TLPT-HS ngày 19 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Trần Thị Q và các bị cáo khác; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 501/2020/HS-ST ngày 11-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Thị Q, sinh năm 1969 tại Thanh Hóa; Giấy chứng minh nhân dân số: 27209748X, do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29-11-2018; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số A, Khu phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị T; có chồng tên Nguyễn Quốc H và có 03 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, theo Quyết định số: 705/QĐCĐKNCT ngày 11-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn C, sinh năm 1977 tại Bắc Giang; Giấy chứng minh nhân dân số: 27248670X, do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 18-7-2011; nơi đăng ký

thường trú và nơi cư trú: Tổ X, Khu phố Y, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc Q (chết) và bà Nguyễn Thị S; có vợ tên Nguyễn Thị P và có 03 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, theo Quyết định số: 706/QĐCĐKNCT ngày 11-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Trọng B, sinh năm 1986 tại Thanh Hóa; Giấy chứng minh nhân dân số: 17290954X, do Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 04-3-2005; nơi đăng ký thường trú: Đội 10, thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú (có đăng ký tạm trú): Khu phố X, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Trọng T và bà Trịnh Thị H; có vợ tên Lê Thị T và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, theo Quyết định số: 707/QĐCĐKNCT ngày 11-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố B; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Vào ngày 02/12/2019, H (chưa rõ lai lịch) làm chủ đề, cùng với Trần Thị Q tổ chức cho Trần Văn C và Lê Trọng B đánh bạc bằng hình thức ghi số đề thắng, thua bằng tiền.

Cách thức đánh bạc cụ thể như sau: Dựa vào kết quả xổ số của Công ty Xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh, để làm căn cứ xác định thắng, thua bằng tiền với người mua đề. Nếu người mua đề chọn mua bao lô hai số trùng với hai số cuối của bất kỳ giải nào, thì người mua đề thắng số tiền gấp 70 (bảy mươi) lần số tiền đã bỏ ra mua. Nếu người mua đề chọn mua bao lô ba số cuối (xổ chủ) phù hợp với ba số cuối của bất kỳ giải nào của kết quả xổ số thì người mua đề thắng với số tiền gấp 600 (sáu trăm) lần số tiền đã bỏ ra mua; nếu người mua đề chọn mua hai số phù hợp với hai số cuối của một trong 17 số còn lại (số đá) thì sẽ thắng gấp 350 (ba trăm năm mươi) lần số tiền đã bỏ ra mua... còn các số không phù hợp với kết quả xổ số (không trúng) thì H được hưởng toàn bộ số

tiền của người mua đề. Đề lôi kéo, khuyến khích khách mua đề, H và Q khuyến mại 30% số tiền mua đề cho những người mua đề.

Trước khi có kết quả xổ số, Lê Trọng B sử dụng điện thoại (số thuê bao 096690792X), nhắn tin số đề gửi cho C, nhờ C chuyển số đề để B đánh bạc với H. Sau đó, C tổng hợp số đề của B với số đề của C, rồi sử dụng điện thoại di động (02 sim với 02 số thuê bao 036595064X và 094893570X), gửi tin nhắn với nội dung các số đề C và B mua, kèm theo thỏa thuận cách thức thắng, thua và số tiền mua đề cho Q (số thuê bao 094132773X, C lưu trong danh bạ điện thoại là Q1). Sau khi nhận được tin nhắn của C, Trần Thị Q sử dụng điện thoại di động của Q, truy cập vào mạng Zalo bằng nickname "Khuyên", rồi co-py tin nhắn mua số đề của C, gửi cho H thông qua nickname "Trương Nhật Thiên Thanh". Khi H nhận tin nhắn trên của Trần Thị Q, H co-py lại tin nhắn đó và viết thêm chữ "OK", để xác nhận đồng ý, rồi gửi lại cho Q. Tương tự như vậy, Q co-py lại tin nhắn xác nhận của H, gửi lại cho C.

Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết và đối chiếu tính số tiền thắng, thua, H sẽ đưa cho Q, để Q thanh toán với C tại nhà của Q. Trần Văn C nhận và giao số tiền thắng thua cho B.

Ngày 02/12/2019, dựa trên kết quả xổ số của Công ty Xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh, C và B mua số đề với các con số, cụ thể như sau:

- B ghi 70 số bao gồm các số: 00, 01, 02, 05, 06, 08, 09, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 18, 20, 21, 22, 24, 26, 28, 29, 32, 33, 34, 36, 38, 39, 40, 41, 42, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 51, 52, 55, 56, 57, 58, 60, 62, 63, 64, 65, 67, 69, 70, 71, 75, 76, 77, 79, 80, 81, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 91, 92, 93, 94, 95, 96 và 99, với hình thức bao lô mỗi số 25.000 đồng (hai mươi lăm nghìn đồng), với tổng số tiền là 31.500.000 đồng (ba mươi một triệu năm trăm nghìn đồng), trừ hoa hồng H, Q khuyến mại cho người mua đề số tiền 9.450.000 đồng (chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng); số tiền thực tế B bỏ ra là 22.050.000 đồng (hai mươi hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Các số trên, B gửi tin nhắn cho C, để nhờ C chuyển cho chủ đề. Kết quả B trúng các con số: 02, 29, 41, 42, 45, 48, 49, 56, 84, 87, 91, 92, 02 lần số 94, với tổng số tiền là 24.500.000 đồng (hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng); do đó, B thắng số tiền 2.450.000 đồng (hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền này, B trừ vào số tiền trước đây B nợ C. Như vậy, tổng số tiền B dùng đánh bạc là 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng).

- Trần Văn C ghi 61 số bao gồm các số: 01, 03, 06, 07, 10, 12, 13, 15, 17, 18, 19, 20, 21, 23, 25, 27, 28, 29, 30, 32, 35, 37, 38, 39, 41, 42, 43, 45, 46, 47,

48, 50, 52, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 61, 63, 65, 67, 69, 72, 73, 74, 75, 76, 79, 80, 81, 83, 86, 89, 90, 91, 92, 95, 96 và 97, với hình thức bao lô mỗi số 70.000 đồng (bảy mươi nghìn đồng); số 521 hình thức đánh đầu đuôi 60.000 đồng (sáu mươi nghìn đồng); tổng số tiền là 76.980.000 đồng (bảy mươi sáu triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng); trừ hoa hồng số tiền 23.078.000 đồng (hai mươi ba triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng), số tiền thực tế C bỏ ra ghi đề là 53.902.000 đồng (năm mươi ba triệu chín trăm linh hai nghìn đồng). C tổng hợp số đề của B với số đề của C thành một phôi đề, rồi chuyển tin nhắn cho Q.

- Kết quả C trúng các con số: 19, 29, 41, 42, 45, 48, 56, 02 số 74, 91 và 92, tổng số tiền là 53.900.000 đồng (năm mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng). Sau khi trừ số tiền C bỏ ra mua đề 53.902.000 đồng (năm mươi ba triệu chín trăm linh hai nghìn đồng), C thua 2.000 đồng (hai nghìn đồng).

Ngoài ra, vào ngày 02/12/2019, C còn thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số đề thắng thua trực tiếp với Nguyễn Văn Đ, (sinh năm 1979, cư trú tại Tổ Y, Khu phố Z, phường L, thành phố B) thông qua tin nhắn từ số thuê bao 035308274X và T (không rõ lai lịch, số thuê bao 034788806X), cụ thể như sau:

- Đ ghi 08 số gồm: 30, 10, 18, 38, 88 và 66, với hình thức bao lô mỗi số 5.000 đồng (năm nghìn đồng); 93 và 39 bao lô mỗi số 10.000 đồng (mười nghìn đồng); tổng số tiền là 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng), trừ hoa hồng số tiền 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền thực tế mà Đ bỏ ra ghi đề là 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Kết quả, Đ thua hết số tiền trên. Như vậy, số tiền Đ đánh bạc với C là 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng), C thắng 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

- T ghi 06 số gồm: 57, 75, 45, 33, 17 và 35, với hình thức bao lô mỗi số 5.000 đồng (năm nghìn đồng); số đá 57, 75, 45 và 33, 17, 35, mỗi dãy số 1.000 đồng (một nghìn đồng); tổng số tiền là 648.000 đồng (sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng), trừ hoa hồng số tiền 168.000 đồng (một trăm sáu mươi tám nghìn đồng), số tiền thực tế T bỏ ra ghi đề là 480.000 đồng (bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Kết quả, T trúng số 45 với số tiền trúng là 350.000 đồng (ba trăm năm mươi nghìn đồng), T thua 130.000 đồng (một trăm ba mươi nghìn đồng). Như vậy, số tiền T dùng đánh bạc là 648.000 đồng (sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng), C thắng 130.000 đồng (một trăm ba mươi nghìn đồng).

- Sau khi tính kết quả thắng thua, C đã nhận số tiền thắng đề từ T và Đ.

Như vậy, tổng số tiền C dùng đánh bạc ngày 02/12/2019 là 188.778.000 đồng (một trăm tám mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng); trong

đó: C đánh bạc với H 130.880.000 đồng (một trăm ba mươi triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng), đánh bạc với Đ 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng), với T 998.000 đồng (chín trăm chín mươi tám nghìn đồng); giúp B đánh bạc với H 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng).

Ngoài hành vi đánh bạc giữa C và Đ nêu trên, ngày 02/12/2019, Đ ghi các số 18, 81, 13, 31, 59, 55, 79 và 77 với hình thức bao lô mỗi số 5.000 đồng (năm nghìn đồng); 87 bao lô 10.000 đồng (mười nghìn đồng); 93 và 39 bao lô 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng), với tổng số tiền là 1.980.000 đồng (một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng), rồi gửi tin nhắn cho C lúc 18 giờ 01 phút cùng ngày, để tính thắng thua theo kết quả xổ số kiến thiết vào ngày 03/12/2019, C đã xác nhận đồng ý.

Đến ngày 03/12/2019, C, Q cùng với Nguyễn Quốc H, Nguyễn Minh H và Nguyễn Văn T, tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi bài cào tổ thắng, thua bằng tiền tại nhà Số 27/9, Khu phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì bị Công an phường T phát hiện, bắt quả tang, thu giữ dưới chiếu bạc số tiền 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng), điện thoại di động của C và Q. Qua kiểm tra điện thoại, phát hiện C, Q, B, Đ và T có hành vi ghi số đề vào ngày 02/12/2019 như đã nêu trên.

2. Vật chứng:

- 01 bộ bài tây 52 lá.

- 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu đen, số Imei 86465503/9941972 của Trần Văn C và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J4, số Imei 358131095098837, màu vàng của Trần Thị Q.

- Số tiền 2.180.000 đồng (hai triệu một trăm tám mươi nghìn đồng), là tiền Trần Thị Q, Trần Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Minh H và Nguyễn Quốc H sử dụng đánh bạc bằng hình thức chơi bài cào tổ.

3. Nội dung khác:

- Đối với hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi bài cào tổ vào ngày 03/12/2019 nêu trên và hành vi đánh bạc bằng hình thức ghi số đề của Nguyễn Văn Đ với Trần Văn C vào ngày 02/12/2019 và 03/12/2019. Số tiền sử dụng đánh bạc dưới 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); tất cả các đối tượng đều chưa có tiền án, tiền sự về hành vi tổ chức đánh bạc hoặc đánh bạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố B đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Đối với đối tượng tên H (không rõ lai lịch) là chủ đề, có hành vi tổ chức đánh bạc, nhận số đề từ Q thông qua nick-zalo “Trương Nhật Thiên Th”, Cơ

quan điều tra đã truy cập vào trang cá nhân tên “Trương Nhật Thiên Th” thông qua địa chỉ zalo của Trần Thị Q (số thuê bao 094132773X), qua kiểm tra, xác nhận địa chỉ zalo “Trương Nhật Thiên Th” không có thông tin cá nhân và số điện thoại. Đối với T (không rõ lai lịch) có hành vi gửi tin nhắn ghi số đề cho Trần Văn C thông qua số điện thoại 034788806X, ngày 07/4/2020, Cơ quan điều tra đã có văn bản yêu cầu Trung tâm Vinaphone Chi nhánh Đồng Nai xác minh số chủ thuê bao trên nhưng chưa có kết quả. Đối với các đối tượng T, H, T, M, H, D, Q (không rõ lai lịch), qua kiểm tra nhật ký điện thoại và tin nhắn trên điện thoại di động thu giữ của Trần Văn C, Cơ quan điều tra không ghi nhận có tin nhắn và thông tin của các đối tượng nêu trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố B tiếp tục điều tra, xác minh, để làm rõ và xử lý sau.

4. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 501/2020/HS-ST ngày 11-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, đã quyết định như sau:

- Tuyên bố bị cáo Trần Thị Q phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, theo điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt 02 năm tù.

- Tuyên bố các bị cáo Trần Văn C và Lê Trọng B phạm tội “Đánh bạc”, theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt C 03 năm 06 tháng tù; xử phạt B 03 năm tù.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

5. Kháng cáo:

Trong thời hạn luật định, các bị cáo Trần Thị Q, Trần Văn C và Lê Trọng B kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt và không bị xử phạt tù giam.

6. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định cấp sơ thẩm xác định các bị cáo phạm tội là có căn cứ, đúng người và đúng tội. Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng sau đây:

- Đối với các bị cáo Trần Thị Q và Lê Trọng B: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo.

- Đối với bị cáo Trần Văn C: Không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên mức hình phạt của cấp sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Thị Q về tội “Tổ chức đánh bạc”, theo điểm c khoản 1 Điều 322; các bị cáo Trần Văn C và Lê Trọng B phạm tội “Đánh bạc”, theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về kháng cáo:

2.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

2.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tại cấp sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự); các bị cáo C và B đều có hoàn cảnh khó khăn, được địa phương xác nhận; cha bị cáo C (ông Trần Ngọc Q) được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Chiến thắng hạng Hai. Áp dụng các quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại cấp phúc thẩm:

+ Bị cáo Trần Thị Q cung cấp tài liệu và đơn được chính quyền địa phương xác nhận, thể hiện cha mẹ của bị cáo có tham gia cách mạng, bà Nguyễn Thị T được tặng thưởng Huân chương Kháng Chiến hạng Ba; ngoài ra, bị cáo Q còn cung cấp tài liệu, thể hiện đang điều trị bệnh liên quan đến thần kinh.

+ Các bị cáo Trần Văn C và Lê Trọng B cung cấp tài liệu và đơn được chính quyền địa phương xác nhận, thể hiện hoàn cảnh gia đình rất khó khăn; con bị cáo C bị bệnh tim bẩm sinh, phải mổ nhiều lần; bị cáo B là lao động chính và duy nhất trong gia đình, phải nuôi dưỡng nhiều người thân phụ thuộc, vợ sắp sinh con, gia đình thuộc hộ cận nghèo được hưởng chính sách tại địa phương.

Các tình tiết nêu trên, được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

2.3. Về hình phạt:

- Đối với bị cáo Trần Thị Q và Lê Trọng B: Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét tình tiết giảm nhẹ mới nêu trên; vai trò đồng phạm; các bị cáo có nhân

thân tốt và phạm tội lần đầu; ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có khả năng tự cải tạo; việc buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là không cần thiết. Các bị cáo có đủ điều kiện, để được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán - Tòa án nhân dân tối cao; do đó, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

- Đối với bị cáo Trần Văn C: Bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc một cách rất tích cực và giúp sức cho bị cáo B thực hiện hành vi đánh bạc; ngoài ra, bị cáo còn đánh bạc với những người khác. Mặc dù, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới nêu trên, nhưng quyết định hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp và đã giảm nhẹ; do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo.

[3] Về biện pháp ngăn chặn:

Các bị cáo Trần Thị Q và Lê Trọng B được hưởng án treo, nên Hội đồng xét xử ra quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án cấp sơ thẩm.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Các bị cáo Trần Thị Q và Lê Trọng B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Trần Văn C phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thị Q và Lê Trọng B;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn C;

Sửa một phần về hình phạt do khách quan, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 501/2020/HS-ST ngày 11-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố B.

1. Tội danh và hình phạt:

1.1. Đối với bị cáo Trần Thị Q:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Q 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 13-01-2021.

- Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Giao bị cáo Trần Thị Q cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

1.2. Đối với bị cáo Trần Văn C:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Văn C 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày người bị kết án Trần Văn C vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù.

1.3. Đối với bị cáo Lê Trọng B:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Lê Trọng B 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 13-01-2021.

- Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Giao bị cáo Lê Trọng B cho Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về biện pháp ngăn chặn:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Hủy bỏ Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 705/QĐCĐKNCT ngày 11-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, đối với bị cáo Trần Thị Q.

- Hủy bỏ Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 707/QĐCĐKNCT ngày 11-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, đối với bị cáo Lê Trọng B.

3. Về án phí:

- Buộc bị cáo Trần Văn C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo Trần Thị Q và Lê Trọng B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Quyết định của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo (3);
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân thành phố B (4);
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an thành phố B;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố B;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành